

Số: /TB-TTKSBT

Đà Nẵng, ngày tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc mời chào giá Gói thầu: Hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm
thiết bị phục vụ đánh giá lại ISO/IEC 17025:2017

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng đang có nhu cầu Hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm thiết bị phục vụ đánh giá lại ISO/IEC 17025:2017.

Để có cơ sở thực hiện gói thầu, Kính mời Quý công ty đủ năng lực và kinh nghiệm có quan tâm vui lòng chào giá theo các nội dung sau:

STT	Tên hàng hoá/ Thiết bị	Nội dung thực hiện/ Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Tủ an toàn sinh học cấp II	Thử nghiệm tốc độ dòng khí, Thử nghiệm bộ lọc HEPA, Thử nghiệm hướng dòng khí, Thử nghiệm về độ sáng bề mặt làm việc bên trong tủ, Thử nghiệm độ ồn, Thử nghiệm cường độ tia UV của đèn UV	Cái	2			Thử nghiệm
2	Cân điện tử ACB 150g	- Độ chính xác: Đảm bảo sai số trong dải đo (0,01g hoặc 0,001g). - Điểm zero: Hiệu chuẩn điểm không khi không tải. - Span: Sử dụng quả cân chuẩn gần tải tối đa (150g). - Độ lặp lại: Kết quả nhất quán khi cân cùng mẫu nhiều lần.	Cái	1			Hiệu chuẩn

		- Độ tuyến tính: Sai số giữa các mức khối lượng khác nhau. - Độ trôi: Ổn định kết quả khi sử dụng lâu dài. - Môi trường: Kiểm tra tác động từ rung, nhiệt độ, độ ẩm.					
3	Cân điện tử ACB 300g	- Độ chính xác: Đảm bảo sai số trong dải đo (0,01g hoặc 0,001g). - Điểm zero: Hiệu chuẩn điểm không khi không tải. - Span: Sử dụng quả cân chuẩn gần tải tối đa (300g). - Độ lặp lại: Kết quả nhất quán khi cân cùng mẫu nhiều lần. - Độ tuyến tính: Sai số giữa các mức khối lượng khác nhau trong dải đo. - Độ trôi: Ổn định kết quả sau thời gian sử dụng lâu dài. - Môi trường: Kiểm tra ảnh hưởng từ rung, nhiệt độ, và độ ẩm.	Cái	1			Hiệu chuẩn
4	Cân kỹ thuật - Model: CPA4202S	Max 4200g d = 0,01g	Cái	1			Hiệu chuẩn
5	Cân phân tích (AB204-S, Switzerland)	Max 220g d = 0,1mg	Cái	1			Hiệu chuẩn

6	Cân phân tích - Model: CPA4202S	Max 220g d = 0,1mg	Cái	1			Hiệu chuẩn
7	Cốc lọc của Hệ thống lọc 3 kênh (Merck Millipore/ Mỹ)	Thể tích ml: 50; 100; 250 ML	Cái	1			Hiệu chuẩn
8	Ống đong (100 và 500ml)	Ống đong 100ml thể tích ml: 10; 20; 50; 100 Ống đong 500ml thể tích ml: 50; 100; 250; 500	Cái	2			Hiệu chuẩn
9	Ống đong (50, 100, 250mL)	(50,100,250) ml, chất liệu thủy tinh	Cái	3			Hiệu chuẩn
10	Bình định mức (10, 50, 100mL)	(10,50,100) ml, chất liệu thủy tinh, có nắp	Cái	3			Hiệu chuẩn
11	Micropipet đơn kênh (100 μ - 1000 μ)	Độ chính xác: $\pm 1\%$ (1000 μ l), $\pm 3\%$ (100 μ l). - Độ lặp lại: $\pm 0.3\%$ (1000 μ l), $\pm 1\%$ (100 μ l). - Rò rỉ khí: Kiểm tra kín khí.	Cái	1			Hiệu chuẩn
12	Micropipet 100, 200, 1000uL	100, 200, 1000ul	Cái	3			Hiệu chuẩn
13	Nhiệt kế điện tử; Testo 925	420 ⁰ C	Cái	1			Hiệu chuẩn
14	Nhiệt kế thủy tinh (kiểm soát tủ lạnh)	2 ⁰ C; 8 ⁰ C	Cái	3			Hiệu chuẩn
15	Nhiệt kế ẩm Tanita	Nhiệt độ C: 10; 20; 30 Độ ẩm %: 30; 50; 70	Cái	2			Hiệu chuẩn
16	Nhiệt kế thủy	2 ⁰ C; 8 ⁰ C; 25 ⁰ C ;30	Cái	5			Hiệu

	ngân (kiểm soát tủ lạnh)	°C; 37 °C; 41,5 °C; 45 °C; -20 °C					chuẩn
17	Máy đo PH (Model: HI 98190; Hãng Hanna; Xuất xứ: Romania)	Dải đo: -2 đến 20 Giá trị chuẩn tại: 4; 7; 10 ở 25 độ C	Cái	1			Hiệu chuẩn
18	Máy đo độ cồn (Cồn kế) - Model: Alcoholmeter GE ClassIII	Độ phân giải: 0,1%; 0,20C	Cái	5			Hiệu chuẩn
19	Máy đo độ đục cầm tay (HI98703, Romania)	3 dải đo: 0-9,99 10,0-99,9NTU 100-1000NTU	Cái	1			Hiệu chuẩn
20	Máy đo PH để bàn	Độ chính xác: +/- 0,003pH; +/- 0,2mV; +/- 0,2oC/Pt1000	Cái	1			Hiệu chuẩn
21	Nồi hấp (Autoclave ES-315, Nhật)	Nhiệt độ C: 115 °C; 121 °C	Cái	1			Hiệu chuẩn
22	Nồi hấp Model: ES315	Nhiệt độ C: 115 °C; 121 °C	Cái	1			Hiệu chuẩn
23	Tủ ấm Binder BD 53 - Đức	Nhiệt độ C: 37 °C; 41.5 °C	Cái	1			Hiệu chuẩn
24	Tủ ấm điện tử hiện số Class E Model INE 550 - Memmert	-Tủ VS/4: 37 °C; 44 °C -Tủ VS/6: 37 °C; 41.5 °C -Tủ VS/7: 37 °C; 44 °C	Cái	3			Hiệu chuẩn
25	Tủ ấm ISGI-30T/JSR	Nhiệt độ C: 25 °C; 30 °C	Cái	1			Hiệu chuẩn
26	Tủ sấy lớn 250 độ C 120 lít (Model: LDO -150F)	Nhiệt độ C: 180 °C	Cái	1			Hiệu chuẩn
27	Tủ sấy	Max: 220°C	Cái	2			Hiệu

	Memmert						chuẩn
28	Lò nung Naberthem	Max: 1100 ⁰ C	Cái	1			Hiệu chuẩn
29	Hệ thống khối phổ Plasma ghép cặp cảm ứng (ICP- MS), Analytik jena - Đức	- Bộ tách khối tứ cực HD Quadrupole Khoảng phổ : từ 3 đến 256 amu Độ phân giải từ 0.5 đến 1.2 amu Độ ổn định khối : 0.05 amu/ ngày Tần số RF của tứ cực: 3.0MHz Tốc độ quét: 5115 amu/giây Độ nhạy Mcps/ppm 9Be >20; 115In > 500; 232Th > 300 Độ chính xác (10 lần đo, trong 20 minutes) < 3% Tỷ lệ Oxide ions: CeO⁺/Ce⁺ < 2%. Nhiều nền (tại 5 amu) < 0.5c/s. Độ nhạy giàu: 10-6 low, 10-7 high on 23Na. Độ chính xác tỷ lệ chất đồng vị (Isotope): < 0,07% Giới hạn phát hiện (ng/L) (trong điều kiện thích hợp) As: < 0.6; Fe: < 0.3; Mg: < 0.08; Mn : < 0.07; In : < 0.05; Ni: < 0.05; U: < 0.01	Hệ thống	1			Hiệu chuẩn
30	Hệ thống sắc ký Ion (Model:	Đầu dò độ dẫn (iDetector) Thang đo: 0- 15	Hệ thống	1			Hiệu chuẩn

	Professionnal IC Vario 2.940.150094 0 Professionnal IC Vario one/ SeS /PP; HSX: Metrohm/ Switzerland/ Thụy Sĩ)	000 μ S/cm Áp suất bảo vệ: 5 Mpa Nhiệt độ 20- 50 độ C Tần số đo 10Hz Độ tuyến tính: < 0.1% (> 16 μ S/cm) < 1% (<16 μ S/cm) Độ trôi < 0.2nS/cm/giờ Độ phân giải: 4.7pS/cm Độ nhiễu tín hiệu điện < 0.1nS/cm (1 μ S/cm) Độ nhiễu đường nền <0.2nS/cm					
31	Quang phổ kế tử ngoại khả kiến (UV/VIS)	Hệ quang học: 2 chùm tia - Dải bước sóng:190-1100 - Độ rộng khe phổ: 1.5nm - Ánh sáng lạc: không quá 0.05%. - Độ chính xác bước sóng: +/- 0.3nm (tại 656.1, 486.0nm) - Độ lặp lại bước sóng: +/-0.1nm - Dải đo trắc quan: độ hấp thụ: -3.0 đến 3.0 Abs - Độ chính xác trắc quang: +/-0.002 Abs (0-0.5 Abs) - Tốc độ quét bước sóng: 10,100,200,400,800 ,1200,2400,3600nm /phút	Cái	1			Hiệu chuẩn

32	Nồi hấp (Autoclave ES-315, Nhật)	- Áp suất: Kiểm tra áp suất tối đa và ổn định khi vận hành. - Nhiệt độ: Đảm bảo đạt 121°C hoặc 134°C, kiểm tra độ đồng đều. - Thời gian: Xác minh thời gian tiệt trùng theo chế độ. - Van an toàn: Đảm bảo hoạt động chính xác khi áp suất vượt ngưỡng. - Khóa cửa: Kiểm tra cơ chế khóa an toàn. - Cảm biến: Hiệu chỉnh cảm biến nhiệt độ và áp suất. - Gioăng và kết cấu: Đảm bảo độ kín và buồng hấp không hư hỏng. - Hiệu suất: Chạy thử nghiệm để đánh giá thực tế.	Cái	1			Kiểm định
	Tổng cộng: 32 khoản						

Bằng chữ:đồng

Giá trên bao gồm các loại thuế, chi phí thực hiện Hiệu chuẩn, thử nghiệm, kiểm định và giao hàng tại Trung tâm.

Ghi chú:

- Quý công ty vui lòng điền đầy đủ thông tin như mẫu trên, ghi rõ ngày tháng chào giá, thời gian có hiệu lực của báo giá (kể từ ngày chào giá). Đơn giá hàng hóa, dịch vụ bằng tiền đồng Việt Nam, giá đã trừ chiết khấu, đã bao gồm các loại thuế và các chi phí liên quan.

- Thành tiền = Số lượng x Đơn giá

- Nhà thầu có cam kết nội dung thực hiện đảm bảo qui trình, tiêu chuẩn chất lượng theo pháp luật Việt Nam quy định.

- Có đính kèm bản photocopy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, giấy phép hoạt động hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp và có đóng dấu của nhà thầu.

- Bì thư phải được niêm phong, đóng dấu, bên ngoài ghi rõ “Bảng chào giá Gói thầu: Hiệu chuẩn, kiểm định, thử nghiệm thiết bị phục vụ đánh giá lại ISO/IEC 17025:2017” gửi về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ: 118 Lê Đình Lý, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

(Liên hệ Văn thư số điện thoại: 0236 3890408 hoặc gửi qua email: kiemsoatbenhtat@danang.gov.vn).

- Phương pháp áp dụng xét chọn giá: Chọn giá thấp nhất theo tổng gói thầu.

- **Hạn chót nhận báo giá: 15 giờ 00 ngày 19/8/2025.**

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (báo cáo);
- KHNV (để đăng trên website CDC);
- TCKT, XN-CĐHA-TDCN (tham gia mở báo giá);
- Lưu: VT, DVTTYT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đại Vĩnh